

Số: 16/CT-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

CHỈ THỊ**Về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp**

Thời gian qua, công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường kinh doanh gắn với chuyển đổi số quốc gia là một nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo; nhiều chương trình, đề án, kế hoạch đã được triển khai; các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực, cố gắng. Công tác cải cách TTHC đã đạt được những kết quả tích cực, nhiều chỉ số của Việt Nam được thăng hạng góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, cắt giảm chi phí cho xã hội.

Tuy nhiên, qua kết quả thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương và phản ánh, kiến nghị của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách TTHC như: (1) Một số quy định, TTHC tại một số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) còn chồng chéo, mâu thuẫn; (2) Quy định về thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết một số TTHC còn qua nhiều tầng nấc, khâu trung gian; (3) TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương và giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau còn phức tạp; (4) Việc cắt giảm, tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, người dân còn hạn chế; tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là ở cơ sở vẫn còn tình trạng những nhiều, tiêu cực; (5) Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC chủ yếu theo phương thức truyền thống hồ sơ giấy, theo địa giới hành chính.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, như: (1) Công tác cải cách TTHC tại một số bộ, ngành, địa phương vẫn chưa được quan tâm đúng mức; (2) Thói quen làm việc theo phương thức truyền thống, chưa theo kịp với tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ; (3) Trình độ của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ; (4) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời; (5) Hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu, thiếu đồng bộ, nhiều hệ thống đã được đầu tư từ lâu, chưa được nâng cấp, phát triển.

Để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên và tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách TTHC tại các Chương trình, Đề án, Kế hoạch đã được Chính phủ, Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt và Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ, Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024¹, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023, Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

I. VỀ CẢI CÁCH, CẮT GIẢM TTHC

1. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Thực hiện nghiêm việc cải cách, cắt giảm TTHC ngay trong quá trình xây dựng VBQPPL, tăng cường kiểm soát chặt chẽ, đánh giá tác động chính sách cụ thể đối với quy định TTHC, thực hiện tốt việc tham vấn (tăng cường tham vấn trên môi trường điện tử), thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo VBQPPL, bảo đảm các TTHC được quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, khả thi, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất. Đồng thời, chấn chỉnh, rà soát và đề xuất sửa đổi các quy định để tránh gây bất cập, mâu thuẫn trong việc giao địa phương ban hành văn bản quy định bộ phận tạo thành của TTHC theo đúng quy định của Luật ban hành VBQPPL.

b) Tập trung xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ để thực thi ngay các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh²; phân cấp trong giải quyết TTHC³; các nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên⁴; TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng một Nghị định sửa nhiều Nghị định, một Quyết định sửa nhiều Quyết định, một Thông tư sửa nhiều Thông tư và ưu tiên thực hiện trình tự thủ tục rút gọn theo quy định (*Phụ lục I kèm theo*). Đồng thời, xây dựng, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa theo lộ trình được phê duyệt (*Phụ lục II kèm theo*).

c) Khẩn trương rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực được giao, nhất là TTHC trong lĩnh vực đất đai, nhà ở xã hội, tín dụng, tài nguyên khoáng sản... và các giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024 gửi Văn phòng Chính phủ chậm nhất trong tháng 5 năm 2024 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện phương án ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) Khẩn trương công bố đầy đủ TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau và giữa các bộ, cơ quan với các Cục, Vụ và tương đương; xác định đúng phạm vi, thẩm quyền ban hành TTHC nội bộ để rà soát, đơn giản hóa, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

¹ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

² Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025

³ Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ

⁴ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025

đ) Tập trung triển khai cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Phương án cắt giảm, đơn giản hóa sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm cắt giảm yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp không hợp lý trong thực hiện TTHC, bảo đảm tiến độ, thực chất, hiệu quả.

e) Đẩy mạnh công tác truyền thông trong cải cách TTHC để người dân, cộng đồng doanh nghiệp biết và đồng hành cùng Chính phủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương công bố đầy đủ TTHC nội bộ giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; xác định đúng phạm vi, thẩm quyền ban hành TTHC nội bộ để rà soát, đơn giản hóa, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Tư pháp, Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với các cơ quan có liên quan nâng cao chất lượng thẩm định quy định về TTHC tại dự thảo VBQPPL, bảo đảm chỉ ban hành và duy trì những TTHC thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp nhất.

4. Bộ Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, xem xét báo cáo Quốc hội sửa đổi các quy định của Luật ban hành VBQPPL về quy định TTHC trong dự thảo VBQPPL, kiên quyết cắt giảm các TTHC không cần thiết, đặc biệt là các TTHC để thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan rà soát, nghiên cứu, đề xuất ưu tiên đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh các dự án luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa nêu tại Phụ lục II kèm theo Chỉ thị, bảo đảm tính khoa học, khả thi.

II. VỀ CẢI CÁCH VIỆC THỰC HIỆN TTHC

1. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, trong đó tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, gắn việc số hóa với thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa giữa các bộ, ngành, địa phương thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu; nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT đồng bộ từ trung ương đến địa phương phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

b) Tập trung triển khai các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên rà soát tái cấu trúc quy trình tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024 theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm

2024 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, rà soát, đánh giá, cấu trúc lại quy trình đối với các dịch vụ công trực tuyến đang được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm nguyên tắc lấy người dùng là trung tâm.

c) Tập trung triển khai thành công Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06), đặc biệt là các nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ để xử lý dứt điểm các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu, nguồn nhân lực, kinh phí.

d) Bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ.

đ) Tổ chức thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; tăng cường đối thoại, giải quyết dứt điểm những vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách, TTHC; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết TTHC.

e) Tiếp tục triển khai công tác thanh tra, kiểm tra cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kịp thời xử lý các trường hợp né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm. Định kỳ hằng tháng công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan, địa phương.

2. Về triển khai thí điểm Mô hình mẫu Bộ phận Một cửa cung cấp dịch vụ công theo hướng kết hợp Bộ phận Một cửa của các đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thí điểm trong năm 2024 trước khi tổng kết, nhân rộng vào năm 2025 với mục tiêu tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện TTHC, dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính, tối đa hóa phạm vi tiếp nhận TTHC tại 01 địa điểm trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao tính chuyên nghiệp và đề cao trách nhiệm của bộ phận một cửa trong giám sát, đôn đốc việc giải quyết TTHC tại các bộ, ngành, địa phương.

3. Văn phòng Chính phủ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các chuyên gia, cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại các bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 - 2030 để tiếp tục cắt giảm thực chất, hiệu quả TTHC tạo môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi, minh bạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành trong tháng 12 năm 2024.

b) Khẩn trương xây dựng tài liệu Mô hình mẫu về Bộ phận một cửa cung cấp dịch vụ công theo hướng kết hợp bộ phận một cửa của các đơn vị hành

chính các cấp trên địa bàn, hoàn thành trong Quý II năm 2024, báo cáo Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo để tổ chức thí điểm trong năm 2024 tại các địa phương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh.

c) Nghiên cứu, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm thực chất, hiệu quả theo các tiêu chí về chất lượng dịch vụ, tính hữu ích, tính dễ sử dụng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện nghiêm Chi thị này, báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo cải cách, kiểm soát TTHC.

2. Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

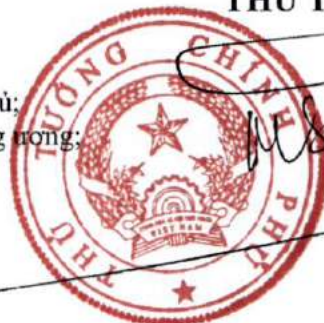
a) Phát huy hơn nữa vai trò chỉ đạo, thúc đẩy việc triển khai cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương; phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ kịp thời lắng nghe để nhận diện, xử lý các vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách, TTHC là rào cản đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân.

b) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chi thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Thành viên Tổ công tác cải cách TTHC;
- Thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (2). 155

THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính



Phụ lục I

**DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THỰC THI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM,
ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH KINH DOANH, PHÂN CẤP, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
GIẤY TỜ CÔNG DÂN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DÂN CƯ THUỘC THẨM QUYỀN
CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ**

(Kèm theo Chỉ thị số: 16/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên văn bản	Điều, Khoản, Điểm cần sửa đổi	Tên quy định, TTHC cần cắt giảm, đơn giản hóa	Nghị quyết/ Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa
I	Bộ Công an			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.	Điều 13; Điều 19; Điều 9; Điều 41; Điều 45	Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương) (mã TTHC: 1.009887); Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.009896); Phê duyệt Phương án chữa cháy của cơ sở (thực hiện tại cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.003217); Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (thực hiện tại cấp huyện) (mã TTHC: 1.009908); Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.009899); Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp huyện) (mã TTHC: 1.009911); Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương) (mã TTHC: 1.003024); Cấp đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương) (mã TTHC: 1.003007); Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh) (mã TTHC:	Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an

			hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật - Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai	
2	Bộ luật Hàng hải năm số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015	Điều 257	Ngành nghề Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển - Có người chuyên trách thực hiện kinh doanh, khai thác dịch vụ lai dắt tàu biển đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế - Có người chuyên trách thực hiện công tác pháp chế đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành luật	Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
3	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 (được sửa đổi bổ sung tại Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014)	Khoản 3 Điều 50	Thủ tục Mở cảng hàng không, sân bay (mã số TTHC: 1.001369): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Khoản 2 Điều 63	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã số TTHC: 1.004682): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam	
		Khoản 2 Điều 63	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã số TTHC: 1.004674): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam	

	Khoản 3 Điều 110	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung (mã số TTHC: 1.000312): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không
	Điều 123, 124	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã số TTHC: 1.004480): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định
	Điều 123, 124	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã số TTHC: 1.004465): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định
	Khoản 2 Điều 49	Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không (mã số TTHC: 1.002886): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam
	Khoản 2 Điều 49	Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng (mã số TTHC: 1.002890): Phân cấp

			thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam	
		Khoản 4 Điều 196	Thủ tục Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài (mã số TTHC: 1.003378): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam cho Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp doanh nghiệp có quy mô hoạt động chỉ trong phạm vi một cảng hàng không)	
		Khoản 4 Điều 196	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không (mã số TTHC: 1.003376): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam cho Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp doanh nghiệp có quy mô hoạt động chỉ trong phạm vi một cảng hàng không)	
III Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
1	Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013	Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 23	Yêu cầu, điều kiện: Được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân này có địa chỉ giao dịch hợp pháp.	Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021
2	Luật Chăn nuôi số	Bãi bỏ điểm c khoản 4 Điều 23	Yêu cầu điều kiện 1: Có biện pháp bảo đảm an toàn cho người, vật nuôi, môi trường xung quanh;	Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn

	32/2018/QH14 ngày 19/11/2018	Bãi bỏ điểm Điểm b khoản 4 Điều 23	Yêu cầu điều kiện 2: Nơi bảo quản phải tách biệt hoặc không bị ô nhiễm bởi thuốc bảo vệ thực vật, các hóa chất độc hại	giảm hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021
IV	Bộ Tài chính			
1.	Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014	Điều 20 Luật Hải quan	Cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007651); Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007652); Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007653); Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007654).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
2.	Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015	khoản 4 Điều 60 Điều 62, 63 Điều 71	- Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.007459) - Nhóm thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (Cấp lần đầu) (mã TTHC: 1.007451); Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456). - Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Cấp mới) (mã TTHC: 1.007426); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn (mã TTHC: 1.007437); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007444); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007439); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề (mã TTHC: 1.007441); Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456).	
3.	Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011	Điều 23 Điều 24	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.007637). Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Cấp lần đầu) (mã TTHC: 1.007633); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lại) (mã TTHC: 1.007635); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (điều chỉnh) (mã TTHC: 1.007634).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
V	Bộ Tài nguyên và Môi trường			
1	Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010	Điều 7	Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Tạp chí địa chất, Bộ Tài nguyên và Môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường. Điều kiện phân cấp: Có sự chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung giữa trung ương và địa phương.	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

		Điều 17	Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường đối với thủ tục hấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
		điểm e khoản 2 Điều 23	Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với thủ tục Nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất
		khoản 2 Điều 82	Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các thủ tục: (1) Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch; (2) Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001781); (3) Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001777); (4) Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004343)
		Điều 74 và 75	Phân cấp thẩm quyền giải quyết đối với thủ tục Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp trung ương) (mã số TTHC: 1.004262)
		Điều 80 và 82	Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ về cơ quan thuộc Bộ đối với các thủ tục trả lại Giấy phép

			khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp Trung ương) (mã TTHC: 1.004292); Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp Trung ương) (mã TTHC: 1.004324).	
		khoản 1 Điều 47	Bãi bỏ thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
		điểm d khoản 4 Điều 47	Bãi bỏ thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
		điểm b khoản 1 Điều 50	Bãi bỏ thành phần hồ sơ Báo đề án thăm dò khoáng sản và Giấy phép thăm dò khoáng sản khi thực hiện thủ tục Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	
		khoản 5 Điều 59	Quy định rõ thành phần hồ sơ theo từng trường hợp điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản	
2	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008		Bãi bỏ thủ tục Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (mã TTHC: 1.004082)	Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022

VI	Bộ Thông tin và Truyền thông			
1.	Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Điểm b khoản 2 Điều 21	Có nhân sự phù hợp với phương án kinh doanh theo nội dung đề nghị được cấp giấy phép	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
		Khoản 2 Điều 37	Cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính	Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông (đã đề xuất điều chỉnh phương án tại Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/3/2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)
2.	Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20/11/2012	(1) Khoản 1, 2 Điều 14 (2) Điều 15 (3) Khoản 2 Điều 22 (4) Khoản 4, 5 Điều 25 (5) Điểm c khoản 1 và	(1) Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004111) (2) Cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004144) (3) Cấp giấy xác nhận đăng ký xuất bản (mã TTHC: 1.004216) (4) Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004063 và 1.003868)	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020 - 2025

	điểm b khoản 2 Điều 17 (6) Khoản 1, 2 Điều 20 (7) Khoản 2, 4 Điều 20 (8) Khoản 1 Điều 20 (9) Điểm c khoản 1, điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 32 (10) Khoản 5, 6, 7 Điều 32 (11) Điều 34 (12) Điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 32 (13) Điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 32 (14) Điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 45 (15) Khoản 2, 3, 4 Điều 44	(5) Chấp thuận bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004348) (6) Cấp chứng chỉ hành nghề biên tập (mã TTHC: 1.004102) (7) Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị thu hồi) (mã TTHC: 1.004113) (8) Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị mất hoặc hư hỏng) (mã TTHC: 1.004133) (9) Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004235 và 2.001594) (10) Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004236 và 2.001584) (11) Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (TTHC trung ương và cấp địa phương) (mã TTHC: 1.004251 và 2.001564) (12) Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự (13) Bảo đảm điều kiện về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật (14) Đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử (mã TTHC: 1.004340) (15) Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (TTHC cấp trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.003651 và 1.003483) (16) Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (mã TTHC: 1.003609)	
--	--	--	--

		(16) Điều 38 (17) Điều 39 (18) Khoản 2, 3 Điều 36; Điều 37 (19) Khoản 4 Điều 41	(17) Cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh (mã TTHC: 1.004146) (18) Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004159 và 1.003114) (19) Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (TTHC cấp trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004375 và 1.003725)	
3.	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015	Điểm d khoản 2 Điều 43 Điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 43 Điểm a khoản 1 Điều 42 Điểm c khoản 1 Điều 42 Điểm c khoản 2 Điều 42 Điểm e khoản 2 Điều 42 Điểm b khoản 3 Điều 42 Điều 32, 33, 34	(1) Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng (trừ trường hợp cấp phép kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự) (mã TTHC: 1.004342) (2) Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng (trường hợp cấp phép kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự) (mã TTHC: 1.004394) (3) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển an toàn thông tin mạng quốc gia (4) Có đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu chuyên môn về an toàn thông tin (5) Người đại diện theo pháp luật, đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam (6) Đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật có văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin	- Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025 - Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ. - Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025.

			(7) Đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật có văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật thông tin (8) Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 2.001529); Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005395); Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005396); Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005397); Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (mã TTHC: 1.008253).	
4.	Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016	Khoản 2, 3 Điều 20, Điều 31 Điểm a khoản 3 Điều 41 Điều 35 Khoản 3 Điều 20 Khoản 3 Điều 54 Khoản 3, khoản 6 Điều 34 Điểm b khoản 3 Điều 41	(1) Cấp giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009368); Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009380); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009381) (2) Cho phép hợp báo (nước ngoài); Cho phép hợp báo (trong nước) - trung ương (mã TTHC: 2.001788 và 2.000383) (3) Cấp giấy phép xuất bản đặc san (mã TTHC: 1.009377); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san (mã TTHC: 1.009385) (4) Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử (mã TTHC: 1.009379) (5) Đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu (mã TTHC: 1.004514) (6) Cấp giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009376); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009374) (7) Cho phép hợp báo (trong nước); Cho phép hợp báo (nước ngoài) - địa phương (mã TTHC: 2.001171 và 2.001173)	
VII	Bộ Tư pháp			
1.	Luật Luật sư (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2012)	Điều 17; 18; 19; 32; 68; 78; 80; 81.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (mã số 1.000828). Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư (mã số 1.00688). Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư (mã số 1.0008624). Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không có ý đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (mã số: 2.000849)	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

			Cấp giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài (mã số 2.000851).	
	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012	Điều 1	Cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.002911); Gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.002697); Cấp lại giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.001993).	Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
2.	Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014	Điều 8 Điều 12 Điều 15 Điều 16	Bổ nhiệm Công chứng viên (mã số 1.000112). Bổ nhiệm lại Công chứng viên (mã số 1.000100). Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) (mã số 1.000075). Điều kiện hành nghề công chứng đối với cá nhân: Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng (mã số G15.YCDK.00030) Điều kiện hành nghề công chứng đối với cá nhân: Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật (mã số G15.YCDK.00028).	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
3.	Luật Giám định tư pháp năm số 13/2012/QH13 ngày 26/6/2012	Điều 7 Điều 16	Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp: có sức khỏe (mã số G15.YCDK.00035). Điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp: Có Đề án thành lập theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật Giám định tư pháp (mã số G15.YCDK.00080).	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

4.	Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016	Điều 11 Điều 14 Điều 25	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản (mã số 1.003915). Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (mã số 2.001395). quy định “có thời gian làm việc trong lĩnh vực được đào tạo từ 03 năm trở lên được tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá” trong điều kiện tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
5.	Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Điều 20, Điều 24	Cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài (mã số 2.000822).	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
6.	Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014	Các Điều: 7, 39, 40, 41, 42, 43, 44	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 1.001669); Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000756); Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000779). Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.002189); Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.000554); Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ,	Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

			con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (mã TTHC: 2.000547).	
7.	Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Điều 40	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi (mã TTHC: 1.003198). Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (mã TTHC: 1.003160); Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 1.003179); Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (mã TTHC: 1.004878); Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (mã TTHC: 1.010547). Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
8.	Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017	Điều 24	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000587); Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000518).	Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ
9.	Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13/11/2008		Thủ tục Xin nhập quốc tịch Việt Nam; Thủ tục Xin thôi quốc tịch Việt Nam; Thủ tục Xin trở lại quốc tịch Việt Nam;	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp

10.	Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/06/2014	Điểm a khoản 2 Điều 13	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (mã số 1.001842).	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
VIII Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
1.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018	Khoản 15; Khoản 18; Khoản 24 Điều 1	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao (Mã TTHC: 1.003716) (1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông (Mã TTHC: 1.000920) (2) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn (Mã TTHC: 1.000847) (3) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga (Mã TTHC: 1.000953)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023.
		Khoản 5 Điều 1, khoản 15 Điều 1	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao (mã TTHC: 1.003716)	Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
2.	Luật sửa đổi, bổ sung	Khoản 25 Điều 1	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mã TTHC: 1.003793)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính

	một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH1 2 ngày 18/6/2009 của Quốc hội			phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023. Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
3.	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017	điểm d khoản 1 Điều 33 điểm d khoản 1 Điều 32 khoản 2 Điều 62 điểm d khoản 1 Điều 60, điểm b khoản 1 Điều 61 khoản 3 Điều 56 điểm b, c khoản 3 Điều 69	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (mã TTHC: 1.004602) Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (mã TTHC: 2.001628) Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (mã TTHC: 1.001432) Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (mã TTHC: 1.001440) Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (mã TTHC: 1.004628) Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (mã TTHC: 1.004623) Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004572) Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1001455)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023. Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004580) Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004551) Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004503) Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực (mã TTHC: 1004610)	
4.	Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019	điểm b khoản 5 Điều 23 điểm c khoản 5 Điều 23 Luật Thư viện 2019	Thủ tục Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008897) Thủ tục Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008896) Thủ tục Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008895). Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục	Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008899) Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008900) Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008898).	
XI	Bộ Y tế			
1.	Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016	Sửa đổi khoản 3 Điều 34 Bãi bỏ khoản 2 Điều 116	Đánh giá đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều 11 Thông tư 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BYT) (mã TTHC: 1.008448); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 36/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.008447); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp	Quyết định số 1661/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP

			quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư 36/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.008446); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 11 Thông tư 36/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.008445); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh dược (mã TTHC: 1.008444); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh dược (mã TTHC: 1.008443); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp quy định tại các điểm đ, e hoặc g khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2018/TT-BYT) (mã TTHC: 1.008442); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.008441); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.008439); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có	
--	--	--	--	--

		thay đổi thuộc trường hợp quy định tại các điểm c hoặc d khoản 2 Điều 11 hoặc trường hợp cơ sở sản xuất sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc vô trùng có thay đổi thuộc điểm đ khoản Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.008440); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc khi có thay đổi thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.008438); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh dược (mã TTHC: 1.008226); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất của cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc là dược chất theo hình thức công nhận, thừa nhận kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về dược (mã TTHC: 1.004589); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất của cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc là dược chất theo hình thức thẩm định hồ sơ liên quan đến điều kiện sản xuất và kiểm tra tại cơ sở sản xuất (mã TTHC: 1.004582); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất của cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc là dược liệu (mã TTHC: 1.004573); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (mã TTHC: 1.003001); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất của cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc là tá dược, vỏ nang tại nước ngoài khi đăng ký, lưu hành tại Việt Nam (mã TTHC:	
--	--	---	--

			1.004570); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (mã TTHC: 1.002258); Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phòng thí nghiệm đối với cơ sở kinh doanh dược (mã TTHC: 2.000952); Điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; Điều kiện đối với cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc là tá dược	
2.	Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Bãi bỏ điểm d, đ khoản 1 Điều 36 Sửa đổi khoản 2 Điều 28	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) (mã TTHC: 1.002425) Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nơi chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống	Quyết định số 1661/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP
3.	Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác số 75/2006/QH11 ngày 29/11/2006		Cho phép cơ sở y tế hoạt động lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người (mã TTHC: 2.000439)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP



Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THỰC THI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM,
ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH KINH DOANH, PHÂN CẤP, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
GIẤY TỜ CÔNG DÂN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DÂN CƯ
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA QUỐC HỘI

(Kèm theo Chỉ thị số: 16/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên văn bản	Điều, Khoản, Điểm cần sửa đổi	Tên quy định, TTHC cần cắt giảm, đơn giản hóa	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa
I	Bộ Công Thương			
1	Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017	Điều 10, 51	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học (mã TTHC: 1.002663); Cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008272); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng (mã TTHC: 1.007965); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức (mã TTHC: 1.007962); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất (mã	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002125); Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002066); Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002021). Phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành ở trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh chỉ được trang bị vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ.	
3.	Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động.	Điều 7	Thủ tục xác nhận cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam (mã TTHC: 1010048). Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) về Công an cấp tỉnh (PA08), Công an cấp huyện.	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
4.	Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy	Điều 7, 9, 11	(1) Thủ tục cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào cho công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào (mã TTHC: 1.001280). Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Công an cấp tỉnh có chung đường biên giới với Lào cho Công an	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi

	giá trị sử dụng giấy thông hành.		cấp huyện và Công an cấp xã giáp biên giới thực hiện, theo hướng: (i) Công an cấp xã cấp Giấy thông hành cho công dân có hộ khẩu thường trú đối với xã giáp biên giới; (ii) Công an cấp huyện cấp Giấy thông hành cho công dân có hộ khẩu thường trú tại huyện giáp biên giới và (iii) Công an cấp tỉnh cấp Giấy thông hành cho công dân làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào và công dân có hộ khẩu thường trú tại các huyện, xã còn lại trên địa bàn tỉnh. (2) Nhóm các thủ tục: Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.010049); Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 1.010054). - Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010049 từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện. - Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010054 từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.	quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
	Thông tư			
1.	Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.	Điều 12	Thủ tục xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 2.000677). Bổ sung cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC là Công an cấp xã đối với trường hợp có thông tin số chứng minh nhân dân 9 số trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

2.	Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BCA-BCT ngày 08/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.	Điều 5	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001262). Phòng Cảnh sát giao thông Công an các địa phương cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên cho các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BCA-BCT). - Công an cấp huyện cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện có trụ sở đóng trên địa bàn huyện (mới đề nghị phân cấp).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
3.	Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Điều 3	Nhóm các thủ tục: Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002163); Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002207). Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành ở trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh.	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
II Bộ Công Thương				
Nghị định				
1.	Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.	Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 17; điểm d khoản 4 Điều 19; Sửa đổi khoản 1 Điều 20	Thủ tục Thông báo hoạt động khuyến mại (mã TTHC 2.000033); Thủ tục Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (mã TTHC 2.001474); Thủ tục Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 29/2/2024 ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh

			(mã TTHC 2.000004); Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã TTHC 2.000002)	doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2024
		Bãi bỏ điểm b khoản 5 Điều 29; Thay thế mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định; Thay thế mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.	Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (mã TTHC 2.000131); Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài (mã TTHC 2.000026)	Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 29/2/2024 ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2024
2.	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về việc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước	a khoản 3 Điều 22	Nhóm các thủ tục: cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 1.000966); cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 2.000442); cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 1.000896)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
3.	Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ quy định về quyền	Điều 9, Điều 12, Điều 13	Nhóm các thủ tục: cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC:	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án

	xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam		1.000350); cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005405); Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005406).	phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
4.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Khoản 1, 18 Điều 16	Nhóm các thủ tục: cấp Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.000620); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.000615); cấp lại Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 2.000633); cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 2.000629) và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 1.001279).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
5.	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Điểm c khoản 1 Điều 28	Nhóm các thủ tục: cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000181); Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000150); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000162).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
Thông tư				
1.	Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018	Nhóm TTHC: Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (Mã TTHC 2.000564); Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (Mã TTHC 1.002178); Cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp	Nghị quyết của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

	xuất Vật liệu nổ công nghiệp.		lại giấy phép dịch vụ nổ mìn thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (Mã TTHC 1.002129) ; Cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (Mã TTHC 1.000467); Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (Mã TTHC 2.001600); Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương (Mã TTHC 1.005183; Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (Mã TTHC 2.001434); Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (Mã TTHC 2.001433).	
2.	Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; Thông tư số 48/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/11/2018 sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ	Bãi bỏ 2 Thông tư và bỏ Điều 3, Điều 4 Thông tư số 13/2020/TT-BCT	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF (mã TTHC 1.004015); Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF (mã TTHC 2.001689); Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF (mã TTHC 1.003905).	Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 29/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2024

	Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; và Điều 3, Điều 4, Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.			
III	Bộ Giáo dục và Đào tạo			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	điểm đ khoản 3 Điều 8; khoản 2, khoản 3 Điều 11; điểm c, d khoản 3 Điều 13; Điều 3; Điều 5; Điều 15; Điều 17; điểm a, b khoản 2, điểm a, b, c khoản 3 Điều 26; điểm d khoản 3 Điều 30; khoản 2 Điều 56;	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444) Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (1.004492) Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại (1.004443) Điều kiện thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập; cho phép thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập dân lập, tư thực Điều kiện để trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 06/7/2022 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết

	khoản 2 Điều 58; Điều 25; Điều 27; khoản 2, khoản 3 Điều 38; khoản 2, khoản 3 Điều 61; điểm d, đ khoản 3 Điều 44; Điều 47, Điều 49; điểm c khoản 3 Điều 40; điểm e khoản 3 Điều 65; khoản 2 Điều 66; khoản 2 Điều 64; điểm đ khoản 3 Điều 44; Điều 54; khoản 2, khoản 3 Điều 68; Điều 70; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 73; khoản 2 Điều 75; khoản 7 Điều 67; khoản 7 Điều 72; Điều 92; khoản 2 Điều 93; Điều 94; điểm b, điểm c khoản 5 Điều 95; khoản 6 Điều 95; khoản 1 và khoản 5 Điều 87 khoản 5 Điều 89; điểm đ, e khoản 1 Điều 93; điểm a, c, và g khoản 2; khoản 3 Điều 79;	Điều kiện thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực Điều kiện để trường tiểu học hoạt động giáo dục Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực (1.004442); Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thực (1.006388) Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại (1.004475) Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại (1.005067) Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thực (1.005015) Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục (1.005008) Điều kiện thành lập trường trung học công lập; cho phép thành lập trường trung học tư thực Điều kiện để trường trung học cơ sở, trung học phổ thông hoạt động giáo dục Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên (1.005065) Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập, cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (1.005466) Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục (1.005195) Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.004440)	TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
--	--	---	--

		khoản 3 Điều 82; Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 85; Điều 85; Điều 86 Điều 83 khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 100 ; khoản 5 Điều 100 khoản 2, khoản 3 Điều 104 khoản 4 Điều 100. khoản 2, khoản 3 Điều 101	Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học (1.005053) Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục (1.005049) Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại (1.005062) Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập) (2.001805) Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (1.004712) Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.004440) Thành lập trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao (Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương (1.005017) Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú (1.005084) Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục, gồm: Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.004496) Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.005081) Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú (1.004545) Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục (2.001839) Điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục Điều kiện để trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
--	--	--	--	--

		Thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục (1.005031) Cho phép phân hiệu trường đại học hoạt động đào tạo (1.005006) Sáp nhập, chia, tách trường đại học (1.004997) Cho phép trường đại học, phân hiệu trường đại học hoạt động trở lại (1.004992) Điều kiện thành lập trường đại học công lập, cho phép thành lập trường đại học tư thục Điều kiện để trường đại học hoạt động đào tạo Điều kiện để phân hiệu của trường đại học hoạt động đào tạo Thành lập trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường cao đẳng sư phạm tư thục (2.001968) Sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng sư phạm (2.001969) Giải thể trường cao đẳng sư phạm (2.001970) Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp) (2.001988) Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp) (1.005087) Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục (1.005088) cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (1.005354)	
--	--	--	--

			Điều kiện thành lập, giải thể trường trung cấp sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (1.005020) Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (1.010024) Công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam (2.001967) Gia hạn giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (1.005009) Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trở lại (1.005016)	
2.	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	khoản 1 Điều 1 khoản 3 Điều 1 khoản 4 Điều 1; khoản 10 Điều 1 ; khoản 11 Điều 1; Điều 2 ; Khoản 16 Điều 1; . khoản 16 Điều 1 khoản 17 Điều 1 ; khoản 17 Điều 1; khoản 25 Điều 1 ; khoản 24 Điều 1 khoản 25 Điều 1 khoản 1 Điều 1; khoản 3 Điều 1 khoản 37 Điều 1 khoản 31 Điều 1; khoản 30 Điều 1 . ; khoản 30 Điều 1; .	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực (1.004494) Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390) Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445) Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thực (1.004555) Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842) Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563) Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552) Cho phép trường trung học hoạt động giáo dục (gồm: Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.004444)	Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 06/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

		khoản 31 Điều 1; khoản 31 Điều 1; khoản 40 Điều 1; khoản 44 Điều 1.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.005074) Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở (2.001809) Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông (1.005070) Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (1.004712) Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (1.005466) Điều kiện tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập Thành lập trường đại học công lập hoặc cho phép thành lập trường đại học tư thực (1.005063) Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo (1.005041) Điều kiện thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thực cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng (1.005030) Thủ tục thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực (1.005069) Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm (1.005073) Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (2.001989) Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (1.005082)	
--	--	--	--	--

			Thủ tục thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập hoặc cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thục (1.005022) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.005061)	
3.	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.	khoản 1 Điều 9; điểm b khoản 3 Điều 12; khoản 5 Điều 13; khoản 2 Điều 9; . khoản 1 Điều 21 và Điều 22 khoản 5 Điều 25; khoản 1 Điều 22, khoản 7 Điều 26 (Mẫu số 12) khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 23; khoản 7 Điều 26 khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 18; khoản 5 Điều 14 khoản 3 Điều 27 khoản 4 Điều 27 khoản 2 Điều 49 khoản 5 Điều 50 khoản 2, Điều 40, Điều 51. khoản 2, Điều 40, Điều 51. khoản 1 Điều 54, Điều 57, Điều 58. khoản 2 Điều 59. Điều 57, khoản 4 Điều 60. Điều 57, khoản 3 Điều 61. khoản 2 Điều 40, Điều 42	Phê duyệt liên kết giáo dục (1.001499) Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497) Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết (1.001496) Phê duyệt hoặc điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp (2.000732) Phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (2.000562) Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (1.001127) Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000691) Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729). Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000688) Điều kiện về đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ Yêu cầu, điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm liên kết đào tạo Chế độ báo cáo việc thực hiện liên kết giáo dục theo từng năm học	Quyết định số 793/QĐ-TTg 06/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

		khoản 1 Điều 33 Điều 35. khoản 2 Điều 36 điểm c khoản 3 Điều 36 . khoản 1 Điều 37 khoản 6 Điều 32 điểm đ khoản 2 Điều 52	Báo cáo việc thực hiện liên kết đào tạo theo từng năm học Báo cáo đối với liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000471) Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000681) Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000716) Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000462) Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (2.000451) Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (1.001492) Sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (2.000680) Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện (1.001501)	
--	--	--	---	--

			Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545) Điều kiện về giáo dục để cấp giấy chứng nhận đầu tư Điều kiện về vốn đầu tư cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam Điều kiện về cơ sở vật chất đối với đối với cơ sở giáo dục mầm non Điều kiện về cơ sở vật chất đối với đối với cơ sở giáo dục phổ thông Yêu cầu đối với chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài Báo cáo về tình hình phát triển toàn diện của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài Báo cáo về hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	
4.	Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 30	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (mã TTHC: 1.005106).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
		Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 30	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (mã TTHC: 2.000011).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ

5.	Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (mã TTHC: 1.001622)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
		Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (mã TTHC: 1.008950);	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
		Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (mã TTHC: 1.008951).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
6.	Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (mã TTHC: 1.008720).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
		Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP	Thủ tục Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi

			do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (mã TTHC: 1.008723).	quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
		Sửa Mẫu đơn đối với các thông tin có thể khai thác từ CSDLQG về dân cư	Xét, cấp học bổng chính sách (1.002407).	Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 13/09/2017 về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Thông tư			
1.	Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT - Bộ trưởng Bộ TTTT quy định tổ chức và cấp chứng chỉ ứng công nghệ thông tin	Khoản 2 Điều 18	Báo cáo thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
2.	Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên.	Sửa đổi, bổ sung mục III	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên (mã TTHC: 1.000729).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
3.	Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000288).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết

	công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.			TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
4.	Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường tiểu học.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000280).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
5.	Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000691).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
6.	Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT	Cử đi học nước ngoài (mã TTHC: 1.001694);	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
Quyết định của Bộ trưởng				
1.	Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuyển trường và	Sửa đổi, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 5, điểm a, b khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông (mã TTHC: 2.002478);	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

	tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.	Sửa đổi, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 5, điểm a, b khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học (mã TTHC: 1.001088).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
		Sửa đổi, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 5, điểm a, b khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở (mã TTHC: 2.002481)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
IV Bộ Giao thông vận tải				
	Nghị định			
1.	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	khoản 2 Điều 38	- Thủ tục Mở cảng hàng không, sân bay (mã số TTHC: 1.001369): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

		Điều 57	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã số TTHC: 1.004682): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Điều 57	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã số TTHC: 1.004674): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
2.	Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung	Khoản 7 Điều 1	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung (mã số TTHC: 1.000312): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Điều 42, 45	Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không (mã số TTHC: 1.002886): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Điều 42, 43	Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng (mã số TTHC: 1.002890): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết

				TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
	Thông tư			
1.	Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam	Khoản 5 Điều 1	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã số TTHC: 1.004480): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Khoản 5 Điều 1	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã số TTHC: 1.004465): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
2.	Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 13/2019/TT-	Điều 26	Thủ tục Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài (mã số TTHC: 1.003378): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết

	BGTVT ngày 29/3/2020 quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam		Cục Hàng không Việt Nam cho Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp doanh nghiệp có quy mô hoạt động chỉ trong phạm vi một cảng hàng không)	TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Điều 26	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không (mã số TTHC: 1.003376): Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam cho Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp doanh nghiệp có quy mô hoạt động chỉ trong phạm vi một cảng hàng không)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
V	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Điều 17	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn(2.000765) - Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, nhiệm vụ được hỗ trợ (2.000746) - Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp (1.001664).	Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 01/12/2022 Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2.	Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã	1. Điều 23 2. Điểm e khoản 2 Điều 13, điểm đ khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 3 Điều 18 và điểm c khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 17	1. Nhóm các chế độ báo cáo: Báo cáo về tình hình hoạt động của HTX và Báo cáo kết quả phân loại, đánh giá HTX (Theo QĐ 1505/QĐ-TTg) 2. Nhóm các TTHC (Theo NQ 136/NQ-CP): - 02 thủ tục đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.005125) và đăng ký hợp tác xã (1.005280); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia (1.005122) và đăng ký khi hợp tác xã chia (2.002122); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách (2.001979) và đăng ký khi hợp tác xã tách (2.002120); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất (2.001957) và đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất (1.005121);	1. Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 01/12/2022 Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 2. Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 27/12/2017 về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

			- 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập (1.005056) và đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập (1.004972); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (2.001973); - 02 thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) (2.001962) và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) (1.004982); - 02 thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.005064) và thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (1.004979); - 02 thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã (1.005124) và thông báo về việc góp vốn, mua cổ	thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
--	--	--	--	---

			phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã (2.001958); - 02 thủ tục tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005046) và tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005377); - 02 thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005283) và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005010); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã) (2.002125) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) (1.004901); - 02 thủ tục thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.004895) và thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã (1.004895); - 02 thủ tục: Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (2.002013) và đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (2.002123); - 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005047) và đăng ký thay đổi nội	
--	--	--	---	--

			dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005378); - Nhóm 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã (1.005003) và đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã (1.005277).	
3.	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp	Khoản 1, 2 Điều 12; Khoản 2 Điều 21; Điểm a khoản 4 Điều 22; Điểm a khoản 4 Điều 23; Điểm a, điểm b khoản 3 Điều 24; Điểm c khoản 1 Điều 31; Điểm c khoản 1 Điều 49; Điểm b khoản 1 Điều 50; Điểm d khoản 1 Điều 52; Điểm d khoản 2 Điều 52; Điểm d khoản 3 Điều 52; Điểm b khoản 1 Điều 53; Điểm c khoản 3 Điều 53; Điểm b khoản 1 Điều 54; Điểm d khoản 1 Điều 58; Khoản 2 Điều 62	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (2.001610); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (2.001583); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (2.001199); Đăng ký thành lập công ty cổ phần (2.002043); Đăng ký thành lập công ty hợp danh (2.002042); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp (1.005145); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp (2.002083); Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp (2.002083). Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh (2.002011); Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (2.002010); Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (2.002008);	Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 27/12/2017 về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

		Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức (1.005114); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (1.005104); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế (2.002006); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (1.005111); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp (2.002007); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác (2.002002); Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích (2.002000); Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết (2.001992); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp (1.005154);	
--	--	---	--

			Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp (1.005146); Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp (2.002085) Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (2.002069); Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (2.002079); Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) (2.002059). Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) (2.002060). Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần (2.002034). Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (2.002034). Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (2.002034). Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn (2.002032).	
4.	Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp	Khoản 4 Điều 11	- Thủ tục Công bố thông tin thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; thông báo, giải thể quỹ và báo hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo trên Cổng thông tin	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết

	nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo		quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (mã TTHC: 1.000062). - Nhóm các thủ tục: Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.000024); Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 1.000016); Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.000005); Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.002005); Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư cấp tỉnh (mã TTHC: 2.002004).	TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ
	Thông tư			
1.	Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Khoản 3 Điều 2; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 8	- 02 thủ tục đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.005125) và đăng ký hợp tác xã (1.005280); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia (1.005122) và đăng ký khi hợp tác xã chia (2.002122); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách (2.001979) và đăng ký khi hợp tác xã tách (2.002120); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất (2.001957) và đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất (1.005121); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập (1.005056) và đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập (1.004972); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

			(1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (2.001973); - 02 thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) (2.001962) và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) (1.004982); - 02 thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.005064) và thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (1.004979); - 02 thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã (1.005124) và thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã (2.001958); - 02 thủ tục tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005046) và tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005377);	
--	--	--	---	--

			- 02 thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005283) và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005010); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã) (2.002125) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) (1.004901); - 02 thủ tục thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.004895) và thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã (1.004895); - 02 thủ tục: Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (2.002013) và đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (2.002123); - 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005047) và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005378); - Nhóm 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã (1.005003) và đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại	
--	--	--	--	--

			diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã (1.005277).	
2.	Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã	Điều 9	Báo cáo về tình hình hoạt động của HTX và Báo cáo kết quả phân loại, đánh giá HTX	Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 01/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3.	Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Mẫu đơn, tờ khai	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (2.001610); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (2.001583); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (2.001199); Đăng ký thành lập công ty cổ phần (2.002043); Đăng ký thành lập công ty hợp danh (2.002042); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp (1.005145); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp (2.002083); Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp (2.002083). Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh (2.002011); Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (2.002010); Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (2.002008);	Nghị quyết về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

			Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức (1.005114); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (1.005104); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế (2.002006); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (1.005111); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp (2.002007); Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác (2.002002); Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích (2.002000); Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết (2.001992); Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp (1.005154);	
--	--	--	---	--

			Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp (1.005146); Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp (2.002085) Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (2.002069); Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (2.002079); Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) (2.002059). Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) (2.002060). Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần (2.002034). Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (2.002034). Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (2.002034). Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn (2.002032).	
4.	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 04 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung	Khoản 3, 4 Điều 1; Mẫu đơn, tờ khai	- 02 thủ tục đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.005125) và đăng ký hợp tác xã (1.005280); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia (1.005122) và đăng ký khi hợp tác xã chia (2.002122);	Nghị quyết về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc

	một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	- 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách (2.001979) và đăng ký khi hợp tác xã tách (2.002120); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất (2.001957) và đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất (1.005121); - 02 thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập (1.005056) và đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập (1.004972); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (2.001973); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (1.005072) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng) (2.001973); - 02 thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) (2.001962) và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) (1.004982);	phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
--	---	--	---

			- 02 thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.005064) và thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (1.004979); - 02 thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã (1.005124) và thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã (2.001958); - 02 thủ tục tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005046) và tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005377); - 02 thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005283) và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005010); - 02 thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã) (2.002125) và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) (1.004901); - 02 thủ tục thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã (1.004895) và thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã (1.004895); - 02 thủ tục: Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (2.002013) và đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng	
--	--	--	--	--

			đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (2.002123); - 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (1.005047) và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (1.005378); - Nhóm 02 thủ tục: Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã (1.005003) và đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã (1.005277).	
VI	Bộ Khoa học và Công nghệ			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp	điểm c khoản 2 Điều 6; b khoản 3 Điều 6; điểm c khoản 2 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 10; c khoản 2 Điều 14; điểm b khoản 3 Điều 14; điểm c khoản 2 Điều 18; điểm b khoản 3 Điều 17; điểm b khoản 3 Điều 18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (mã thủ tục hành chính 1.003324); Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (mã thủ tục hành chính 1.003309); Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (mã thủ tục hành chính 1.003269); Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (mã thủ tục hành chính 1.003224); Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (mã thủ tục hành chính 1.003167); Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (mã thủ tục hành chính 1.003089); Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ do Thủ tướng Chính phủ ban hành
2.	Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về	khoản 2 Điều 3; khoản 7 Điều 3; Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 10 tại Phụ lục II;		Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định

	điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành		(mã thủ tục hành chính 1.003028); Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (mã thủ tục hành chính 1.003004)	liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ do Thủ tướng Chính phủ ban hành
3.	Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	điểm b, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm b, d khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 38; Mẫu số 08	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (mã thủ tục hành chính 2.001203); Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (mã thủ tục hành chính 1.002882); Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (mã thủ tục hành chính 1.001936); Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (mã thủ tục hành chính 1.001935)	Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ do Thủ tướng Chính phủ ban hành
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ				
	Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng	Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5	Thủ tục xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư (mã thủ tục hành chính 1.002834)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ

	trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư			
	Thông tư			
1.	Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ KHCN ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ	(1) Điều 10 (2) Điều 19	(1) Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông (2) Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
VII	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động	Điều 33, Điều 34	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (mã TTHC: 1.003958)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
2.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	Điều 166, Điều 167, Điều 56, Điều 57	Khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh Khám giám định phúc quyết trong trường hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định lần đầu (của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh) (1.010790) Khám giám định phúc quyết lần cuối trong trường hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định	Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

			của Hội đồng Giám định y khoa cấp Trung ương (1.010792) Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (1.010816) Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (1.010817) Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học (1.010817)	
VIII	Bộ Ngoại giao			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.	Điều 11, 12, 13, 14, 15	Về thành phần hồ sơ: Bỏ quy định yêu cầu: (i) Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân (Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu) đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; (ii) 01 bản chụp giấy tờ tùy thân (Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu) đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện. Thay vào đó, người nộp hồ sơ xuất trình bản chính giấy tờ có số định danh cá nhân (nếu nộp trực tiếp) hoặc nộp bản chụp giấy tờ này (nếu nộp qua đường bưu điện).	Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 4/9/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao
	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ			

1	Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.	Điều 3	(1) Thủ tục Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 2.002314). Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh (giữ nguyên thẩm quyền giải quyết đối với hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ). (2) Thủ tục Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 2.002312). Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp tỉnh về cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh (giữ nguyên thẩm quyền giải quyết đối với hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
Thông tư				
1	Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.	Điều 13 khoản 1	Thay trường thông tin “Số CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ thay thế hộ chiếu” bằng “giấy tờ có số định danh cá nhân”. Thay trường thông tin “Số CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ thay thế hộ chiếu” bằng “giấy tờ có số định danh cá nhân” và không yêu cầu phải cung cấp thông tin về ngày cấp giấy tờ có số định danh cá nhân	Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 4/9/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao
2	Thông tư số 03/2016/TT-BNG ngày 30/6/2016 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu	Tờ khai đề nghị cấp công hàm (Mẫu 01/2016/XNC)	Không yêu cầu cung cấp thông tin về ngày tháng năm sinh (Mục 2), giới tính (Mục 3), nơi sinh (Mục 4), hộ khẩu thường trú (Mục 5), thông tin về bố, mẹ, vợ/chồng (Mục 10); tuy nhiên vẫn đề nghị cung cấp thông tin về con vì không có thông tin này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 4/9/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao

	công vụ và cấp công hàm đề nghị cấp thị thực.			
IX	Bộ Nội vụ			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/10/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14	Chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội (mã TTHC: 2.001688); Đổi tên hội (mã TTHC: 2.001678); Hội tự giải thể (mã TTHC: 1.003918); Phê duyệt điều lệ hội (mã TTHC: 1.003960); Thành lập hội (mã TTHC: 2.001481); Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường (mã TTHC: 1.003900)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
2.	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ (mã TTHC: 2.001590); Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (mã TTHC: 2.001567); Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (mã TTHC: 1.003822); Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (mã TTHC: 1.003916); Đổi tên quỹ cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003879); Hợp nhất, sát nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (mã TTHC: 1.003920); Tự giải thể quỹ (mã TTHC: 1.003866); Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (mã TTHC: 1.003621); Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (mã TTHC: 1.003950).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
3.	Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hoạt động chữ thập đỏ	Điều 12	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (mã TTHC: 1.001138); Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng (mã TTHC: 1.006780); Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm (mã TTHC: 2.000552)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế

	Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe	Điều 11	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế, thuộc các bộ, ngành trung ương trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (mã TTHC: 1.004565); Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (mã TTHC: 1.004553); Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố (mã TTHC: 1.004539)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
	Thông tư			
1	Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1 Điều 2	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường (mã TTHC: 1.003900).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
X	Bộ Quốc phòng			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết		Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (mã TTHC 1.002862); Thủ tục	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy

	và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”)		xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (mã TTHC 2.001190).	tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng
2.	Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.	Điều 5, 6	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 2.001529); Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005395); Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005396); Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005397); Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (mã TTHC: 1.008253).	- Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ. - Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025
3.	Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	khoản 1 Điều 10; khoản 1 Điều 15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000015); Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000016); Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000017); Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000018).	Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025

4.	Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam	khoản 2 Điều 10 và khoản 1, 2, 3 Điều 11	Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình (mã số TTHC: 1.003356)	Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025
5.	Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng	Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18	Thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước (mã số TTHC: 1.003257); Thủ tục đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước (mã số TTHC: 2.001615); Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo (mã số TTHC: 1.008267); Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu (mã số TTHC: 2.001563); Thủ tục đóng bãi cát hạ cánh trên boong tàu (mã số TTHC: 2.001557); Thủ tục đóng tạm thời sân bay chuyên dùng (mã số TTHC: 2.001554); Thủ tục mở lại sân bay chuyên dùng (mã số TTHC: 2.001546); Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo (mã số TTHC: 2.001603).	Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025
6.	Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ	Xây dựng Nghị định thay thế	Thủ tục cấp phép bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ (mã số TTHC: 3.000132); Thủ tục sửa đổi phép bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ (mã số TTHC: 1.000357); Thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số TTHC: 1.008277); Thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không	Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025

			người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số TTHC: 1.008278); Thủ tục cấp đổi giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số TTHC: 1.008280); Thủ tục cấp lại giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã TTHC: 1.008281).	
	Thông tư			
1.	Thông tư số 110/2014/TT-BQP ngày 22/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trong Quân đội nhân dân Việt Nam	Điều 9, khoản 3 Điều Điều 16, 18, 10	Thủ tục xin cấp phép cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội (mã thủ tục hành chính: 1.008286); Thủ tục xin thiết lập trang, cổng thông tin điện tử trên Internet (mã thủ tục hành chính: 2.001933)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
2.	Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến		Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (mã TTHC 2.000034); Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

	tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.		quân đội, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần) (mã TTHC 2.000029).	
3.	Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	- Bản kê khai cá nhân tại Mẫu 1B. - Bản kê khai thân nhân tại Mẫu 1C	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ thôi việc, đối với đối tượng còn sống thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC 1.000693). Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, đối với đối tượng đã từ trần do Bộ Quốc phòng giải quyết (mã TTHC 1.00082); Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (mã TTHC 2.000278)	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

		Bản khai cá nhân tại Mẫu 1A	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ tuyển dụng sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng
4.	Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.	Bản khai cá nhân tại Mẫu 1A	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã từ trần (mã TTHC 1.001715)	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng
		Bản khai cá nhân tại Mẫu 1A	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (mã TTHC 2.000503)	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng
5.	Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/8/2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung	Bản khai cá nhân tại Mẫu 2A-1, Bản khai thân nhân tại Mẫu 2B-1	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (mã TTHC 3.000011).	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

	Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.	Bản khai cá nhân tại Mẫu 2A-1, Bản khai thân nhân tại Mẫu 2B-1, Giấy ủy quyền tại Mẫu 04.	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ Quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg, đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ giấy tờ (mã TTHC 1.001790).	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng
6.	Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được	Bản khai cá nhân tại Mẫu 3A, Bản khai thân nhân tại Mẫu 3B, Giấy ủy quyền tại Mẫu 04. - Bản khai cá nhân tại Mẫu 3A, Bản khai thân nhân tại Mẫu 3B, Giấy ủy quyền tại Mẫu 04. - Bản khai cá nhân tại Mẫu 2A, Bản khai thân nhân tại	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam, (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng) đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ (mã TTHC 1.001681) Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ) (mã TTHC 1.001795); Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

	hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước	Mẫu 2B, Giấy ủy quyền tại Mẫu 04.	đó trở thành người hưởng lương; Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ Quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg, đối tượng lập hồ sơ lần đầu (mã TTHC 1.001971); Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ Quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, nay bổ sung theo đối tượng Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg. (mã TTHC 1.0001852)	
		- Bản khai cá nhân tại Mẫu 1A, Bản khai thân nhân tại Mẫu 1B.	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước. (mã TTHC 1.008235)	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng
7.	Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/11/2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16/4/2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghị quyết số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính	Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí tại Mẫu số (01-NĐ159-11)	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ (mã TTHC 2.001334)	Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 23/11/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

	phủ về thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ.			
XI	Bộ Tài chính			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	Điều 176, 182, 197, 207, 213, 214, mẫu số 67 ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (1.009806) Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do thay đổi tên công ty, người đại diện theo pháp luật, thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, giám sát, thay đổi thời gian hoạt động, thay đổi trụ sở công ty (1.009519) Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (1.009534) Chấp thuận tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán” (1.009537) Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (1.009543) Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (1.009544)	Nghị quyết số 104/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

2.	Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.	Bỏ yêu cầu về giấy chứng từ tại Điều 41	Thủ tục Thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích (thực hiện tại Tổng cục, cấp Cục, cấp Chi cục)	Nghị quyết số 104/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.	Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.	Điều 24, Điều 73	Thủ tục Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (mã TTHC: 1.012345)..	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Điều 51	Đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm. (1.012363)	
		Điều 45	Đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ. (1.012361)	
		Điều 19, Điều 67	Tăng, giảm vốn điều lệ, vốn được cấp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. (1.012350)	
4.	Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thăm định giá	Điều 8	Nhóm các thủ tục: Đăng ký dự thi cấp thẻ thăm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam (mã TTHC: 1.006237); Đăng ký dự thi cấp thẻ thăm định giá các lần tiếp theo (mã TTHC: 2.002216).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Điều 8	Thủ tục Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có Chứng chỉ hành nghề thăm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận (2.002215)	

5.	Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán	Điều 30, 34	- Thủ tục Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài (3.000061) - Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Cấp mới) (mã TTHC: 1.007426); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn (mã TTHC: 1.007437); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007444); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007439); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề (mã TTHC: 1.007441); Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456). - Nhóm thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (Cấp lần đầu) (mã TTHC: 1.007451); Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
6.	Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn điều kiện đối với kiểm toán viên	Sửa đổi, bổ sung Điều 10	Thủ tục Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (1.007638)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết

	hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng			TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
7.	Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/01/2017 của Chính phủ về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế.	điểm c khoản 2 Điều 31; điểm d khoản 2 Điều 31; điểm d khoản 3 Điều 39	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó (Mã TTHC: 3.000032); Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế (Mã TTHC: 3.000040)	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
8.	Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ về kinh doanh casino.	khoản 7 Điều 25	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino (Mã TTHC: 3.000037)	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
9.	Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.	mẫu số 01 tại phụ lục	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (Mã TTHC: 3.000038)	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
10.	Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi	Bổ sung quy định thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Giảm thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, do bị tai nạn, mắc bệnh hiểm nghèo (Mã TTHC: 3.000083)	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi

	hành một số điều của Luật Quản lý thuế			chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
11.	Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.	khoản 4 Điều 10 và Điều 11; Điều 12	Thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan; Chế độ báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp ưu tiên với cơ quan Hải quan; Chế độ báo cáo tài chính của doanh nghiệp ưu tiên với cơ quan Hải quan	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
Thông tư				
1.	Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế	Sửa đổi mẫu đơn, tờ khai kèm theo phụ lục Thông tư (bổ sung số định danh cá nhân, ...)	Thủ tục Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức có cá nhân chuyển nhượng phần vốn góp, chứng khoán trong trường hợp cá nhân chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế (1.008529) Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế (1.008530) Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp, chứng khoán trong trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp, chứng khoán (1.008533) Thủ tục Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài (1.008536) Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu, không phải là bất động sản (1.008538)	Nghị quyết số 104/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

			Thủ tục Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1.007674)	
			Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài (1.008532)	
			Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu (1.008542)	
			Thủ tục Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế (2.002233)	
			Thủ tục Đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công nhượng (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục) (2.002229)	
			Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản (1.007678)	
			Thủ tục Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình	

			xây dựng hình thành trong tương lai) (mã TTHC 1.007682) Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động) thuộc diện khai thuế thu nhập cá nhân trực tiếp với cơ quan thuế (2.002237) Thủ tục Giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn; do bị tai nạn; mắc bệnh hiểm nghèo (3.000083) Thủ tục Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (2.002263) Thủ tục Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm. (1.007695) Thủ tục Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với tổ chức - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm (1.007696)	
2.	Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Sửa đổi Tờ khai mẫu số 01/TTS kèm theo phụ lục Thông tư	Thủ tục Khai thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có tài sản cho thuê (1.011021)	Nghị quyết số 104/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
3.	Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế	Sửa đổi mẫu đơn, tờ khai kèm theo phụ lục Thông tư (bổ sung số định danh cá nhân, ...)	Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế (thực hiện ở cấp Cục, cấp Chi cục) (1.008498)	Nghị quyết số 104/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc

			Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (1.007565)	phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
			Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác (2.002225).	
			Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác (1.008490)	
			Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại (1.008496).	
			Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành). (1.008491)	
			Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí. (1.008492)	
			Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác	

			(chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) - Đối với đơn vị sau chuyển đổi (1.008519)	
			Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) - Đối với đơn vị sau chuyển đổi. (2.002321)	
4.	Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Điều 140	Thủ tục Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (mã TTHC: 1.007781)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
5.	Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên	Điều 14, 19, 21	Nhóm các thủ tục: Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên (mã TTHC: 1.007413); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề kế toán (đăng ký lần đầu) (mã TTHC: 1.007384); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu) (mã TTHC: 1.007380); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi) (mã TTHC: 1.007411); Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài (mã TTHC: 1.007412)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
6.	Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy	sửa đổi, bổ sung Điều 6, 10, 11	Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Cấp mới) (mã TTHC: 1.007426); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết

	chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.		ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn (mã TTHC: 1.007437); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007444); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007439); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề (mã TTHC: 1.007441); Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456).	TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
7.	Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán	Điều 5, 7, 9	Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp mới) (mã TTHC: 1.007475); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (điều chỉnh) (mã TTHC: 1.007631); Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (mã TTHC: 1.007632).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
8.	Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán	- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, 16 và Phụ lục VIII - sửa đổi, bổ sung Điều 7 và Phụ lục I, Phụ lục IV	Thủ tục Đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán (mã TTHC: 1.007636) Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Cấp lần đầu) (mã TTHC: 1.007633); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lại) (mã TTHC: 1.007635); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (điều chỉnh) (mã TTHC: 1.007634).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
9.	Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của	Sửa đổi, bổ sung Điều 6, Phụ lục 1	Nhóm thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (Cấp lần đầu) (mã	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng

	Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.		TTHC: 1.007451); Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456).	Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Phụ lục 1; Phụ lục 2	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (Cấp lần đầu) (Mã TTHC: 1.007451); Thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.007459)	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
10.	Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 10	Nhóm các thủ tục: Cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007651); Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007652); Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007653); Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007654).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
11.	Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.	sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 10, Điều 14 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 13, Điều 14, khoản 9 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, điểm c khoản 2 Điều 22	Thủ tục Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận (mã TTHC: 2.002215). Nhóm các thủ tục: Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam (mã TTHC: 1.006237); Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá các lần tiếp theo (mã TTHC: 2.002216).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

12.	Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.	khoản 2, 4 Điều 17, khoản 4, 5 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 11 Điều 36 và Phụ lục 11 sửa đổi, bổ sung Điều 30, khoản 12 Điều 36 và Phụ lục 12	Thủ tục Phê chuẩn việc áp dụng (hoặc thay đổi áp dụng) phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (mã TTHC: 1.008475). Thủ tục Phê chuẩn chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm (mã TTHC: 1.008486)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
13.	Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tiết 2 Điểm c Khoản 2 Điều 5	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 1.001669); Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000756); Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000779); Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.002189); Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.000554); Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (mã TTHC: 2.000547); Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc (mã TTHC: 2.000748); Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch (mã TTHC: 2.000635)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
14.	Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý giấy chứng nhận	khoản 3 Điều 3; Phụ lục số 01/ĐKHN; Phụ lục số 02/ĐKHN.	Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (cấp mới) (Mã TTHC: 1.007426); Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Mã TTHC: 1.007435); Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi

	đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.		nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn (Mã TTHC: 1.007437); Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Mã TTHC: 1.007439); Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề (Mã TTHC: 1.007441); Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề (Mã TTHC: 1.007441); Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Mã TTHC: 1.007444)	chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
15.	Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá	khoản 1 Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 5 và Phụ lục số 2a	Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam (Mã TTHC: 1.006237)	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
16.	Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 quy định chi	khoản 8 Điều 1	Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm; Báo cáo tình hình hoạt động và phương hướng hoạt động của tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025

	tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.			
17.	Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	khoản 10 Điều 7; khoản 10 Điều 7;	Báo cáo hoạt động lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài; Báo cáo về hoạt động chu chuyển vốn của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài; Báo cáo hoạt động quản lý danh mục đầu tư, đầu tư theo chỉ định cho nhà đầu tư nước ngoài; Báo cáo hoạt động cấp mã số giao dịch chứng khoán; Báo cáo về tình hình giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài.	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
18.	Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.	khoản 4 Điều 20	Báo cáo thông tin khối lượng mở cuối ngày của từng loại chứng khoán phái sinh.	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
19.	Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.	khoản 4 Điều 12; khoản 5 Điều 21	Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; Báo cáo hoạt động của chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
20.	Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	khoản 4 Điều 29;	Báo cáo tình hình hoạt động quản lý danh mục đầu tư; Báo cáo hoạt động của công ty quản lý quỹ; Báo cáo hoạt động quản lý danh mục đầu tư của công ty quản lý quỹ có xác nhận của ngân hàng lưu ký nơi công ty quản lý quỹ mở tài khoản lưu ký, xác nhận của thành	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi

			viên lưu ký nơi khách hàng ủy thác mở tài khoản, xác nhận của tổ chức lưu ký tại nước ngoài; Báo cáo hoạt động quản trị rủi ro của công ty quản lý quỹ.	chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
21.	Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	khoản 9 Điều 79; khoản 4 Điều 80	Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; Báo cáo giám sát hoạt động quản lý tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
22.	Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.	khoản 4 Điều 29; Điều 17; Điều 19	Báo cáo hoạt động quản trị rủi ro của Công ty chứng khoán; Báo cáo số lượng khách hàng, số dư tiền của khách hàng tại tài khoản chuyên dụng của công ty chứng khoán mở tại ngân hàng thương mại; Báo cáo hoạt động quản lý tài khoản giao dịch ủy thác.	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
23.	Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.	Điều 41	Báo cáo việc đáp ứng đủ điều kiện làm ngân hàng thanh toán; Báo cáo việc đáp ứng đủ điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; Báo cáo hoạt động thanh toán tiền giao dịch chứng khoán của ngân hàng thanh toán.	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025
24.	Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.	Bổ sung quy định thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Giảm thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, do bị tai nạn, mắc bệnh hiểm nghèo (Mã TTHC: 3.000083)	Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025

XII	Bộ Tài nguyên và Môi trường			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	khoản 4 Điều 54	Bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt)	Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
		khoản 5 Điều 54	Bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt)	Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
		Điều 55	- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến	Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
		điểm a khoản 1 Điều 57	số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ	Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt

				giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2.	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển	Khoản 1, khoản 2 Điều 8	Phân cấp thẩm quyền giải quyết đối với nhóm thủ tục về giao khu vực biển (mã TTHC: 1.004512); sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (mã TTHC: 2.001745); gia hạn khu vực biển (mã TTHC: 1.004520); công nhận khu vực biển (mã TTHC: 1.009480); trả lại khu vực biển (mã TTHC: 1.004333)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
3.	Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản	sửa đổi bổ sung Điều 23, 32, 47, 48, 49, 51, 56, 62, 64 65 của Nghị định	Đề bảo đảm phù hợp, thống nhất khi sửa đổi các quy định của Luật Khoáng sản nhằm thực thi phương án phân cấp	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
Thông tư				
1.	Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ		Mẫu hóa Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất.	Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.	Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp, quản lý chứng chỉ giá đất.		Sửa đổi các phụ lục 2, 3, 4 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT	Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
3.	Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản		Sửa đơn, tờ khai tại mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư	Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
XIII Bộ Thông tin và Truyền thông				
Nghị định				
1.	Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.	(1) Khoản 2, 3, 4 Điều 26 (2) Điều 18; khoản 2, 3 Điều 27 (3) Điều 28	(1) Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005444); Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.003370); Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005445). (2) Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003300); Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003249). (3) Cấp lại giấy phép viễn thông (Áp dụng đối với cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, cấp phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, cấp phép lắp	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa Việt Nam; Không áp dụng đối với cáp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư 12/2013/TT-BTTTT (mã TTHC: 2.001748).	
		(1) Khoản 1 Điều 26 (2) Điểm b khoản 3 Điều 26 (3) Điểm b khoản 4 Điều 26 (4) Điểm a khoản 1 Điều 27 (5) Điểm a khoản 3 Điều 27 (6) Khoản 1 Điều 38 (7) Khoản 1 Điều 38 (8) Khoản 4 Điều 37 (9) Khoản 4 Điều 37	(1) Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005444) (2) Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.003370) (3) Cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005445) (4) Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003300) (5) Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003249) (6) Đăng ký giá cước viễn thông (mã TTHC: 1.000754) (7) Thông báo giá cước viễn thông (mã TTHC: 1.004071) (8) Đăng ký khuyến mại viễn thông (mã TTHC: 1.004486) (9) Thông báo khuyến mại viễn thông (mã TTHC: 1.004377)	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
2.	Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.	(1) Khoản 2 Điều 32h; khoản 4 Điều 32i, điểm b khoản 6 Điều 32i (2) Điều 35	(1) Cấp Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 2.001677); Sửa đổi, bổ sung Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002019); Cấp lại Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002011). (2) Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001885); Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001786); Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001880); Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001884).	
		(1) Điều 32d, 32đ (2) Khoản 1, 2, 3, Điều 32e (3) Điều 32e (4) Điều 32e (5) Điều 32e (6) Điều 32e (7) Điều 32e (8) Khoản 1 Điều 32 (9) Khoản 1 Điều 32 (10) Khoản 1 Điều 32	(1) Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002044) (2) Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002029) (3) Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.004255) (4) Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.004250) (5) Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 2.000883 và 2.001684) (6) Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có cổ phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.003946 và 2.001681) (7) Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025

		(11) Khoản 1 Điều 32 (12) Khoản 1 Điều 32 (13) Điều 33a, 33b (14) Điều 33c (15) Điều 33c (16) Điều 33c (17) Điều 33c (18) Điểm c khoản 2 Điều 14 (19) Khoản 4 Điều 17 (20) Khoản 4 Điều 17	duyet (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 2.001769 và 1.000073) (8) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của doanh nghiệp (9) Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ (10) Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin (11) Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được (12) Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử (13) Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (mã TTHC: 1.002001) (14) Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (mã TTHC: 1.001976) (15) Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (mã TTHC: 1.001988) (16) Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (G2, G3, G4); Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.001972 và 2.001666) (17) Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;	
--	--	--	---	--

			thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có cổ phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004204 và 1.000067) (18) Nhân lực phù hợp với quy mô hoạt động để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền (19) Cấp, phân bổ địa chỉ IP (V4, V6) (mã TTHC: 1.004586) (20) Cấp, phân bổ số hiệu mạng (mã TTHC: 1.005443)	
3.	Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản	(1) Điểm c khoản 1 Điều 8 (2) Khoản 2 Điều 7 (3) Khoản 2 Điều 7 (4) Khoản 2, 3 Điều 10 (5) Khoản 1 Điều 9 (6) Điều 9 (7) Điểm c khoản 1 Điều 8 (8) Điểm b khoản 1 Điều 13 (9) Điều 18 (10) Điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 14 (11) Điểm a, b khoản 3 Điều 14 (12) Điểm b khoản 1 Điều 14 (13) Điểm b khoản 1 Điều 14	(1) Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004111) (2) Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài bản (mã TTHC: 1.004365) (3) Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.004369) (4) Cấp giấy xác nhận đăng ký xuất bản (mã TTHC: 1.004216) (5) Chấp thuận bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004348) (6) Chấp thuận miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004348) (7) Có đủ trang thiết bị để tổ chức sản xuất (8) Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam (9) Đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử (mã TTHC: 1.004340)	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025

			(10) Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (mã TTHC: 1.003609) (11) Cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (mã TTHC: 1.004260) (12) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác (13) Trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách có ít nhất 05 (năm) nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách	
4.	Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in	Điều 1	Cấp giấy phép hoạt động in (trung ương và địa phương) (mã TTHC: 2.001753 và 1.000067)	Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TTTT (đã đề xuất điều chỉnh phương án tại Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/3/2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)
5.	Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.	(1) Khoản 15 Điều 1, khoản 5 Điều 23h (2) Khoản 26, 27 Điều 1 (3) Khoản 35 Điều 1; Mẫu số 03, 04, 05, 06, 07, 08	(1) Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập mạng xã hội (mã TTHC: 1.004336) (2) Cấp Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 2.001677); Sửa đổi, bổ sung Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 2.001677); Cấp lại Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 2.001677) (3) Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			TTHC: 2.001885); Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001885); Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001880); Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001884).	
	(1) Khoản 35 Điều 1 (2) Khoản 22, 23 Điều 1 (3) Khoản 24 Điều 1 (4) Khoản 24 Điều 1 (5) Điều 32e (6) Điều 32e (7) Điều 32e (8) Điều 32e (9) Khoản 18 Điều 1 (10) Khoản 18 Điều 1 (11) Khoản 18 Điều 1 (12) Khoản 19 Điều 1 (13) Khoản 19 Điều 1 (14) Khoản 30, 31 Điều 1 (15) Khoản 32 Điều 1 (16) Khoản 32 Điều 1 (17) Khoản 6 Điều 1 (18) Khoản 6 Điều 1 (19) Khoản 29 Điều 1 (20) Khoản 29 Điều 1 (21) Khoản 29 Điều 1 (22) Khoản 29 Điều 1	(1) Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001885) (2) Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002044) (3) Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002029) (4) Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.004255) (5) Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.004250) (6) Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 2.000883 và 2.001684) (7) Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có cổ phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025	

			(TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004204 và 1.000067) (8) Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 2.001769 và 1.000073) (9) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của doanh nghiệp (10) Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ (11) Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin (12) Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được (13) Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử (14) Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (mã TTHC: 1.002001) (15) Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (mã TTHC: 1.001976) (16) Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (mã TTHC: 1.001988) (17) Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (G2, G3, G4); Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.001972 và 2.001666)	
--	--	--	--	--

		(18) Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có cổ phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004204 và 1.000067) (19) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (20) Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ trong trường hợp cung cấp dịch vụ trên Internet (21) Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng (22) Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử	
	(1) Khoản 37 Điều 1; mẫu số 05, 06 (2) Mẫu số 07, 08 (3) Khoản 39 Điều 1; mẫu số 09, 10 (4) Mẫu số 12, 13 (5) Mẫu số 23 (6) Mẫu số 25 (7) Mẫu số 15 (8) Mẫu số 17 (9) Mẫu số 19	(1) Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001885) (2) Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001884) (3) Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001880) (4) Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001885)	Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TTTT (đã đề xuất điều chỉnh phương án tại Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/3/2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)

			(5) Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (trung ương và địa phương) (mã TTHC: 2.001082 và 2.001098) (6) Cấp giấy phép thiết lập mạng xã hội trên mạng (mã TTHC: 2.002181) (7) Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 (mã TTHC: 1.002044) (8) Cấp quyết định phê duyệt nội dung trò chơi điện tử G1 (mã TTHC: 2.001677) (9) Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 (mã TTHC: 1.002001)	
6.	Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số	Khoản 1 Điều 36; khoản 1, 5, 6 Điều 38; khoản 1 Điều 39	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 2.002177); Thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 1.002702); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 2.001133)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		(1) Mẫu số 06 (2) Điều 23	(1) Chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 2.002177) (2) Xin cấp chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (mã TTHC: 2.001760)	Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TTTT (đã đề xuất điều chỉnh phương án tại Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/3/2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)

7.	Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	(1) Điểm a khoản 3 Điều 2 (2) Điểm b khoản 3 Điều 2 (3) Khoản 4 Điều 2 (4) Khoản 3 Điều 1 (5) Khoản 1 Điều 1 (6) Khoản 4 Điều 1 (7) Khoản 3 Điều 1 (8) Khoản 5 Điều 1	(1) Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được (2) Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử (3) Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử (4) Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004111) (5) Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.004365) (6) Chấp thuận bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản (mã TTHC: 1.004348) (7) Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích phù hợp, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc (8) Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (TTHC trung ương và địa phương) (mã TTHC: 1.004235 và 2.001594)	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
8.	Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.	Khoản 3 Điều 22; khoản 3, 6 Điều 23; Điều 25, 26, 27 và Điều 28	Cấp Giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008813); Cấp lại Giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008815); Gia hạn giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008816)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
	Thông tư			
1.	Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007 của Bộ trưởng Bộ TTTT hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông	(1) Bãi bỏ toàn bộ (2) Bãi bỏ toàn bộ	(1) Đăng ký giá cước viễn thông (mã TTHC: 1.000754) (2) Thông báo giá cước viễn thông (mã TTHC: 1.004071)	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng

				quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
2.	Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ TTTT hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.	Điều 24	Cấp lại giấy phép viễn thông (Áp dụng đối với cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, cấp phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam; Không áp dụng đối với cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư 12/2013/TT-BTTTT (mã TTHC: 2.001748)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
3.	Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	(1) Khoản 1, 3 Điều 5 (2) Khoản 1, 3 Điều 9	(1) Cho phép hợp báo (trong nước); Cho phép hợp báo (nước ngoài) - địa phương (mã TTHC: 2.001171) (2) Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài - địa phương (mã TTHC: 1.003888)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
4.	Thông tư số 17/2014/TT-BTTTT ngày 26/11/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chế độ báo cáo về hoạt động chứng thực chữ ký số	Điều 6	Báo cáo đột xuất	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
5.	Thông tư số 25/2015/TT-BTTTT ngày 09/9/2015 của	Điều 7 và Phụ lục 2	Phân bổ mã, số viễn thông (mã TTHC: 1.002497)	Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ về

	Bộ trưởng Bộ TTTT quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông			việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TTTT (đã đề xuất điều chỉnh phương án tại Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/3/2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)
6.	Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.	(1) Điều 23 (2) Điều 26	(1) Cấp, phân bổ địa chỉ IP (V4, V6) (mã TTHC: 1.004586) (2) Cấp, phân bổ số hiệu mạng (mã TTHC: 1.005443)	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
7.	Thông tư số 35/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định về báo cáo nghiệp vụ bưu chính	Điều 4 và Phụ lục	Báo cáo nghiệp vụ bưu chính	Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TTTT giai đoạn 2020 - 2025
8.	Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện	(1) Khoản 2 Điều 3, Điều 9 (2) Điều 3, 20, 21 (3) Điều 7, 12	(1) Cấp giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009368); Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009380); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009381).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

	tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.	(4) Khoản 3 Điều 3, Điều 18, 19; Mẫu số 10, 26	(2) Cấp giấy phép xuất bản đặc san trong (mã TTHC: 1.009377); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san (mã TTHC: 1.009385) (3) Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử (mã TTHC: 1.009379) (4) Cấp giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009374); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009386)	
		(1) Mẫu số 04 (2) Mẫu số 04	(1) Cấp giấy phép hoạt động báo chí in (mã TTHC: 1.009365) (2) Cấp giấy phép hoạt động báo chí điện tử (mã TTHC: 1.009369)	Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TTTT (đã đề xuất điều chỉnh phương án tại Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/3/2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)
9.	Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chi tiết và hướng dẫn về	Mẫu số 03	Cấp thẻ nhà báo (mã TTHC: 1.010691)	Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng

	hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo			quản lý nhà nước của Bộ TTTT (đã đề xuất điều chỉnh phương án tại Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/3/2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ				
1	Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	Điều 6	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học (mã TTHC: 1.002663); Cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008272)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
2	Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu	Điều 6	Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng (mã TTHC: 1.007965); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức (mã TTHC: 1.007962); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để làm thiết bị điều khiển,	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất (mã TTHC: 1.007963); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài (mã TTHC: 1.007964); Cho phép nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó nay không còn được sản xuất (mã TTHC: 1.007976); Cho phép tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài sửa chữa (mã TTHC: 1.007967).	
XIV	Bộ Tư pháp			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.	Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 21, Điều 22, Điều 26, Điều 27, Điều 28	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại (mã số 1.008924). Bổ nhiệm Thừa phát lại (mã số 1.008922). Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm) (mã số 1.008923). Thành lập Văn phòng Thừa phát lại (mã số 1.008929). Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (mã số 1.008930). Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại (mã số 1.008932). Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (mã số 1.008934). Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (mã số 1.008935). Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (mã số 1.008936).	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

2.	Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.	Điều 11, Điều 12, Điều 16, Điều 21, Điều 23, Điều 25	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài (mã số 2.000819). Chấm dứt hoạt động theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài (mã số 1.008885). Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã số 1.008886). Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã số 1.004609). Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (mã số 1.008887). Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã số 1.001574). Chấm dứt hoạt động theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài (mã TTHC: 1.008885). Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008886); Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008888); Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001609); Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
----	--	--	---	--

			động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008887).	
3.	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.	Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 26, Điều 27, Điều 38, Điều 31, Điều 36, Điều 41	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại (mã số 1.008907). Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã số 1.008908). Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác; tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác (mã số 1.008910). Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài (mã số 1.008909). Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động (mã số 2.000515). Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã số 1.005151). Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (mã số 1.008912). Yêu cầu, điều kiện: Giấy tờ chứng	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

			minh về trụ sở của Trung tâm (mã số G15.YCDK.00069).	
4.	Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 9	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên (mã số 2.001130). Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán (mã số 1.002681). Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (mã số 2.001117), Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (mã số 1.001842). Bãi bỏ điều kiện có địa chỉ giao dịch.	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
5.	Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp	Bổ sung quy định mới	Bổ sung cách thức cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp (mã số 2.000488)	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
6.	Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.		Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (mã số 1.004873); Thủ tục Đăng ký khai sinh (mã số 1.001193), Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài mã số 2.000528); Thủ tục Đăng ký kết hôn (mã số 1.000894);	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

			Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (mã số 2.000522); Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (mã số 2.000806); Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (mã số 2.000513); Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (1.001766); Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (1.001695); Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận, cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài (1.001695); Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.000893); Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (1.001669); Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (2.000756); Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc (2.000748); Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài (1.000736); Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài (2.000554); Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (2.000547); Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000522); Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (2.000497); Đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.001022); Đăng ký khai tử (1.000656); Đăng ký khai sinh lưu động (1.003583); Đăng ký kết hôn lưu động (1.000593); Đăng ký khai tử lưu động (1.000419); Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000110); Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000094); Đăng ký nhận, cha, mẹ con có yếu tố nước	
--	--	--	---	--

			ngoài tại khu vực biên giới (1.000080); Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.004827); Đăng ký giám hộ (1.004837); Đăng ký chấm dứt giám hộ (1.004845); Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch (1.000881); Đăng ký lại khai sinh (1.004884); Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772); Đăng ký lại kết hôn (1.004746); Đăng ký lại khai tử (1.005461).	
7.	Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.	Điều 34, Điều 35	Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.000532); Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.003236). Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (mã TTHC: 2.002349). Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài (mã TTHC: 1.005133); Thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.003236).	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
8.	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	Điều 5	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (mã TTHC: 2.000843). Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản (mã TTHC: 2.001044); Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản (mã TTHC: 2.001050); Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (mã TTHC: 2.000927)	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC

				thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
9.	Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.	Điều 16 Điều 19	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000587); Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000518).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
10.	Nghị định 16/2020/NĐ-CP ngày 03/2/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Quốc tịch Việt Nam (<i>thay thế Nghị định số 78/2009/NĐ-CP</i>)		Thủ tục Xin thôi quốc tịch Việt Nam (mã TTHC: 1.001730); Thủ tục Xin nhập quốc tịch Việt Nam (mã TTHC: 2.002039); Thủ tục Xin trở lại quốc tịch Việt Nam (mã TTHC: 2.000785)	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
	Thông tư			
1.	Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP	Bổ sung quy định mới	Bổ sung cách thức cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp (mã số 2.000488)	Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
			Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam (mã số 2.000488); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam (mã số 2.000448); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam) (mã số 2.000512); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp

			quan tiến hành tổ tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) (mã số 2.000505); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú) (mã số 2.000467); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) (mã số 2.001417)	
2.	Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp		Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam (mã số 2.000488); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam (mã số 2.000448); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam) (mã số 2.000512); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) (mã số 2.000505); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú) (mã số 2.000467); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) (mã số 2.001417) - Bổ sung cách thức cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 19/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

			tại Việt Nam. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp (mã số 2.000488)	thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3.	Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	Điều 27	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (mã số 2.000522); Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (mã số 2.000806); Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (mã số 2.000513); Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (1.001766); Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (1.001695); Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận, cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài (1.001695); Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.000893); Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (1.001669); Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (2.000756); Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc (2.000748); Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài (1.000736); Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài (2.000554); Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (2.000547); Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000522); Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (2.000497); Đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.001022); Đăng ký khai tử (1.000656); Đăng ký khai sinh lưu động (1.003583); Đăng ký kết hôn lưu động (1.000593); Đăng ký khai tử lưu động (1.000419); Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000110); Đăng	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

			ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000094); Đăng ký nhận, cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000080); Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.004827); Đăng ký giám hộ (1.004837); Đăng ký chấm dứt giám hộ (1.004845); Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch (1.000881); Đăng ký lại khai sinh (1.004884); Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772); Đăng ký lại kết hôn (1.004746); Đăng ký lại khai tử (1.005461).	
4.	Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.	Điều 10	Cấp giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 2.000851); Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000885); Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000854); Cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 1.001979); Thay đổi nội dung giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.002528).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
5.	Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.	Điều 5	Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.000532); Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.003236). Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (mã TTHC: 2.002349).	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
6.	Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc ghi chép, sử dụng, quản		Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (mã TTHC: 2.001263); Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (mã TTHC:	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

	lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi do Bộ Tư pháp ban hành (thay thế Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 và Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014) và Thông tư số 07/2023/TT-BTP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP)		1.003005); Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (mã TTHC: 1.003160); Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (mã TTHC: 2.002349); Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (mã TTHC: 1.003213); Thủ tục Cấp giấy xác nhận người Việt Nam đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi (mã TTHC: 1.003198); Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp con riêng, cháu ruột, người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên; Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (mã TTHC: 2.001255); Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài (mã TTHC: 1.005133); Thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.003236).	thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
7.	Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/2/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng (thay thế Thông tư số 06/2015/TT-BTP)		Thủ tục Đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên (mã TTHC: 1.001756)	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
8.	Thông tư 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn Luật Luật sư do		Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.000828); Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.000688); Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

	Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành (thay thế Thông tư số 02/2015/TT-BTP).		trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề luật sư bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý (mã TTHC: 1.008628); Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư (mã TTHC: 1.008624); Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân (mã TTHC: 1.002153); Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.002010); Đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.002099).	thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
9.	Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại		Cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài (mã TTHC: 2.000822); Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài (mã TTHC: 1.008889); Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài (mã TTHC: 1.008890)	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
10.	Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 2012 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật		Đăng ký hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật (mã TTHC: 1.000627); Đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật; Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật (mã TTHC: 1.000614)	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
XV	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo	Điều 4,5,6,8,9	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.002587); Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (mã TTHC: 1.002464); Cấp lại giấy xác	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc

		nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.001377); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.000562); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.001375); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.000511); Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm (mã TTHC: 1.002483); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.000990); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT (mã TTHC: 1.000793); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.000662); Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002564); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.001189); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo	phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
--	--	--	--

			hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT (mã TTHC: 1.001178); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.001114)	
2.	Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thể dục, thể thao	Khoản 1 Điều 20	(1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf (Mã TTHC: 1.000936) (2) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo (Mã TTHC: 1.001195) (3) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate (Mã TTHC: 1.000904) (4) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn (Mã TTHC: 1.005357) (5) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker (Mã TTHC: 1.000863) (6) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay (Mã TTHC: 1.000830) (7) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao (Mã TTHC: 1.000814)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023

			(8) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ (Mã TTHC: 1.000644) (9) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo (Mã TTHC: 1.000842) (10) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness (Mã TTHC: 1.005163) (11) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng (Mã TTHC: 2.002188) (12) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí (Mã TTHC: 1.000594) (13) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh (Mã TTHC: 1.000560) (14) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinan (Mã TTHC: 1.000544) (15) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển (Mã TTHC: 1.001213) (16) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá (Mã TTHC: 1.000518) (17) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt (Mã TTHC: 1.000501)	
--	--	--	---	--

			(18) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin (Mã TTHC: 1.000485) (19) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí (Mã TTHC: 1.005357) (20) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao (Mã TTHC: 1.001801) (21) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném (Mã TTHC: 1.001500) (22) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu (Mã TTHC: 1.005162) (23) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao (Mã TTHC: 1.001517) (24) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ (Mã TTHC: 1.001527) (25) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao (Mã TTHC: 1.001056) (26) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông (Mã TTHC: 1.000920) (27) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn (Mã TTHC: 1.000847)	
--	--	--	--	--

			(28) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga (Mã TTHC: 1.000953)	
3.	Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.	Khoản 3 Điều 26	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (mã TTHC: 1.003738)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023
		Khoản 2 Điều 28	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (mã TTHC: 2.001613)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023
		Khoản 2 Điều 28	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (mã TTHC: 1.003793)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
4.	Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến TTHC thuộc phạm vi chức	Điểm d khoản 3 Điều 2	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (mã TTHC: 1.003738)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng

	năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023
		Mục 2 điểm e khoản 3 Điều 2	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (mã TTHC: 1.003793)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
		Mục 2 điểm e khoản 3 Điều 2	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (mã TTHC: 2.001613)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023
5.	Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.	Khoản 1, 2 Điều 6	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (mã TTHC: 1.001106)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023
		Khoản 1, 2 Điều 11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (mã TTHC: 1.001822)	
		Khoản 1, 2 Điều 16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (mã TTHC: 1.003901)	
6.	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật	Sửa đổi, bổ sung các mẫu đơn theo hướng bỏ các trường thông tin theo phương án đơn giản hóa tại Nghị quyết và chỉ yêu cầu công dân kê khai 03 thông tin: họ và tên, ngày tháng	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) (mã TTHC: 1.000040) Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC 1.001809) Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) (mã TTHC: 1.003283);	Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/08/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

		năm tin, số định danh cá nhân.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (mã THHC: 1.001738). Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ (mã THHC: 1.001778) Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (mã THHC: 1.001755)	
7.	Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”	sửa đổi, bổ sung các mẫu đơn theo hướng bỏ các trường thông tin theo phương án đơn giản hóa tại Nghị quyết và chỉ yêu cầu công dân kê khai 03 thông tin: họ và tên, ngày tháng năm tin, số định danh cá nhân.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân (mã TTHC: 1.001376) Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú (mã TTHC: 1.001108)	Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/08/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Thông tư			
1.	Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở	Khoản 1 và 2 Điều 3	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (Mã TTHC: 2.000794)	Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023
2.	Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL	- Mẫu đơn quy định TTHC tại Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL vẫn giữ như quy định tại Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (mã TTHC: 1.004602); Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành (mã TTHC: 1.004581); Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (mã	Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý nhà nước

		- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các mẫu đơn theo hướng bỏ các trường thông tin theo phương án đơn giản hóa tại Nghị quyết và chỉ yêu cầu công dân kê khai 03 thông tin: họ và tên, ngày tháng năm tin, số định danh cá nhân. (Giữ nguyên các trường thông tin với người nước ngoài).	TTHC: 1.004591); Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (mã TTHC: 1.004598); Cấp giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp: + Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác; + Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác; + Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài; + Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập	của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
--	--	--	--	--

			(đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). - Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp: + Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác; + Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác; + Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài; + Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập. (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập chi nhánh bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Gia hạn giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam (đã thực hiện	
--	--	--	--	--

			theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam (đã thực hiện theo pháp luật về thương mại, không còn quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (mã TTHC: 1.004628) Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (mã TTHC: 1.004623) Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (mã TTHC: 1.001432) Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (mã TTHC: 1.004614) Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch (mã TTHC: 1.004594) Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 4 sao, 5 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch (mã TTHC: 1.004566) Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 3 sao cho khách sạn, làng du lịch (đã bỏ thủ tục này, sau 5 năm cơ sở lưu trú du lịch có nhu cầu thì thực hiện mới việc đề nghị công nhận) Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 4 - 5 sao cho khách sạn, làng du lịch (đã bỏ thủ tục này, sau 5 năm cơ sở lưu trú du lịch có nhu cầu thì thực hiện mới việc đề nghị công nhận) Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng cao cấp cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch (đã bỏ TTHC này)	
--	--	--	---	--

			Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng cao cấp cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch (đã bỏ thủ tục này, sau 5 năm cơ sở lưu trú du lịch có nhu cầu thì thực hiện mới việc đề nghị công nhận) Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch (đã bỏ thủ tục này, sau 5 năm cơ sở lưu trú du lịch có nhu cầu thì thực hiện mới việc đề nghị công nhận) Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác. Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác (đã bỏ thủ tục này, sau 5 năm cơ sở lưu trú du lịch có nhu cầu thì thực hiện mới việc đề nghị công nhận)	
3.	Thông tư 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và	Điểm b khoản 6	(1) Thủ tục Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008897) (2) Thủ tục Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008896)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

	Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện		(3) Thủ tục Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008895).	
XVI	Bộ Y tế			
	Nghị định			
1.	Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Điều 13	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (mã TTHC: 1.003437)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
		Điều 8, 9, 10	Thủ tục công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (mã TTHC: 1.003448)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
2.	Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Điều 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện (mã TTHC: 1.004488) Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự (mã TTHC: 1.004477) Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất (mã TTHC: 1.004471)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế

		Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ (mã TTHC: 1.004461) Điều kiện đối với cơ sở điều trị thay thế. Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng (mã TTHC: 1.004612) Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý (mã TTHC: 1.004606) Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý (mã TTHC: 1.004600) Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng (mã TTHC: 1.003481) Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (mã TTHC: 1.003468)	
	- Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện (Mẫu số 1), Đơn chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mẫu số 03) và Bản tóm tắt bệnh án điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mẫu số 4) của - Điều 7	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý	Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06/7/2017 về việc đơn giản hóa TTHC liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

			Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng	
3.	Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới	Điều 35, 36, 37, 38	Cấp phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm (mã TTHC: 2.001229) Điều kiện nhập khẩu mẫu máu, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, phân, dịch tiết cơ thể người, các mẫu khác từ người có chứa hoặc có khả năng chứa tác nhân gây bệnh truyền nhiễm cho người; các chủng vi sinh vật, mẫu có chứa vi sinh vật có khả năng gây bệnh cho người nhập khẩu nhằm mục đích dự phòng, nghiên cứu, chẩn đoán, chữa bệnh	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
4.	Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược	Điểm a khoản 2 Điều 48, khoản 6 Điều 90	Thủ tục cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Áp dụng với cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc) (mã TTHC: 1.004405)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
		Điểm a khoản 2 Điều 48, khoản 6 Điều 90	Thủ tục cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định (mã TTHC: 1.004559)	
		Khoản 1 Điều 63, khoản 1 Điều 77, khoản 1 Điều 81, khoản 1 Điều 88, Điều 116	Thủ tục cấp phép B16:B24 để viện trợ, viện trợ nhân đạo (mã TTHC: 1.004390) Thủ tục cấp phép xuất khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép xuất khẩu không cần giấy phép của	

			Bộ Y tế theo quy định tại khoản 5 Điều 60 của Luật dược mà cơ sở có nhu cầu cấp giấy phép xuất khẩu (mã TTHC: 1.003873) Thủ tục cấp phép xuất khẩu thuốc phóng xạ; thuốc và dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc; nguyên liệu độc làm thuốc (mã TTHC: 1.004397) Thủ tục cấp phép nhập khẩu thuốc dùng cho mục đích thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng tại Việt Nam, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học (mã TTHC: 1.004505) Thủ tục Cấp phép nhập khẩu thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo (mã TTHC: 1.004476) Thủ tục Cấp phép nhập khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam (mã TTHC: 1.004522) Thủ tục cấp phép nhập khẩu dược liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa (mã TTHC: 1.004590) Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc (mã TTHC: 1.004517) Thủ tục cấp phép nhập khẩu tá dược, vỏ nang, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, chất chuẩn (mã TTHC: 1.004597)	
		Điều 42, 43, 44	Thủ tục cung cấp thuốc phóng xạ (mã TTHC: 1.001396)	

		Khoản 1 Điều 88	Thủ tục cấp phép nhập khẩu dược chất, bán thành phẩm thuốc, dược liệu, bán thành phẩm dược liệu để làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, trừ nguyên liệu phải kiểm soát đặc biệt (mã TTHC: 1.004609)
		Chương II và Điều 71, 76, 77	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dược (mã TTHC: 1.004599 và 1.004513) Công bố cơ sở giáo dục kiểm tra ngôn ngữ trong hành nghề dược (mã TTHC: 2.000898) Kiểm tra và công nhận thành thạo ngôn ngữ trong hành nghề dược (mã TTHC: 1.002035) Cấp giấy phép nhập khẩu tá dược, vỏ nang, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, chất chuẩn (mã TTHC: 1.004597) Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc phục vụ cho chương trình y tế của Nhà nước (mã TTHC: 1.004547) Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Áp dụng với cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc) (mã TTHC: 1.004405) Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu) (mã TTHC: 1.004532)

			Bổ sung, thay đổi thông tin của thuốc đã kê khai, kê khai lại trong trường hợp có thay đổi so với thông tin đã được công bố nhưng giá thuốc không đổi (mã TTHC: 1.004618) Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc (trừ trường hợp quảng cáo thuốc theo phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc) (mã TTHC: 1.004548) Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc (mã TTHC: 1.004517) Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc (mã TTHC: 1.003963) Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức phát hành tài liệu thông tin thuốc (mã TTHC: 1.004543) Điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc	
5.	Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm	Điều 5,6,13	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II (mã TTHC: 1.003580) Điều kiện đối với cơ sở xét nghiệm.	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
6.	Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng	Điều 9,10,11	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng (mã TTHC: 2.000655)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định

				liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
7.	Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV	Điều 4,5	Điều kiện đối với cơ sở xét nghiệm HIV.	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
8.	Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Điều 4,5,6,7,8	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002944)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
		Điều 10, 14, 41	Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm chế phẩm Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm chế phẩm Điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm	
		Điều 11,12,15,16, 42,43	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm (mã TTHC: 1.002467) Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.004062)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế

			Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.004070)	
9.	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	Điều 11, 37	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (mã TTHC: 1.002425) Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (mã TTHC: 2.000948) Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (mã TTHC: 1.002122) Kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (mã TTHC: 2.000008) Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (mã TTHC: 1.002158) Yêu cầu đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
Thông tư				
1.	Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Chương II	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (mã TTHC: 1.001138) Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (mã TTHC: 2.000559) Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng (mã TTHC: 1.006780)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế

			Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm (mã TTHC: 2.000552)	
			Phê duyệt chương trình huấn luyện sơ cấp cứu (mã TTHC: 1.001960)	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
2.	Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế	Chương II	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.002587) Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (mã TTHC: 1.002464) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.001377) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.000562) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.001375) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế

			khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.000511) Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm (mã TTHC: 1.002483) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.000990) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT (mã TTHC: 1.000793) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.000662) Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002564) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.001189) Cấp tại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT (mã TTHC: 1.001178) Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của	
--	--	--	--	--

			tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.001114)	
		Chương II	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.002587) Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002564) Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.001114) Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.001189) Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT (mã TTHC: 1.001178)	
3.	Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ Y tế quy định về đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, được liệu	Chương IV	Thủ tục cấp giấy đăng ký lưu hành được liệu (mã TTHC: 1.005039) Gia hạn giấy đăng ký lưu hành được liệu (mã TTHC: 1.002457) Thủ tục thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành được liệu (Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành được liệu có nội dung thay đổi, bổ sung quy định tại Phụ lục II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BYT) (mã TTHC: 1.002447)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

4.	Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phòng thí nghiệm	khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 13	Thủ tục kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.003068)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
5.	Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm	Khoản 2 Điều 35	Thủ tục xác nhận đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm (mã TTHC: 1.002238)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
6.	Thông tư số 08/2014/TT-BYT ngày 26/02/2014 của Bộ Y tế quy định hoạt động hỗ trợ nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam	Điểm a khoản 2 Điều 14	Thủ tục đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động giám sát nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 1.001012) Thủ tục đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động hỗ trợ hành chính nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 1.001587) Thủ tục đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động phân tích thống kê và quản lý dữ liệu nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 2.000003)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
7.	Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh	Điều 13, 14	Thủ tục khám giám định B36:B39ng ương thực hiện (mã TTHC: 1.002261) Thủ tục khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002248) Thủ tục khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002269)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

			Thủ tục khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002287) Thủ tục khám giám định phúc quyết theo đề nghị của đối tượng khám giám định do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002310) Thủ tục khám giám định phúc quyết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002302)	
8.	Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ	Điều 4	Thủ tục khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003826) Thủ tục khám giám định phúc quyết theo đề nghị của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế hoặc Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (mã TTHC: 1.003764) Thủ tục khám giám định phúc quyết trong trường hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định lần đầu (mã TTHC: 1.003798)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
9.	Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 01/3/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế	Điều 9	Thủ tục khám giám định phúc quyết theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (mã TTHC: 1.002076)	Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ
10.	Thông tư số 11/2022/TT-BYT ngày 01/11/2022 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ, miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên pháp y và	Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

	giám định viên pháp y tâm thần			
11.	Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLTBYT-BCA ngày 20/01/2010 quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Đơn đề nghị cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV (mẫu số 2), Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV (mẫu số 3) và Giấy xác nhận nhân thân người đăng ký làm nhân viên tiếp cận cộng đồng (mẫu số 4)	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng (1.004568) Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng (1.004541)	Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
12.	Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh	Phụ lục số 05	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ (1.003943)	Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
XVII Ngân hàng Nhà nước Việt Nam				
1	Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt	Bổ sung mẫu Sơ yếu lý lịch tại Nghị định theo hướng chỉ yêu cầu cung cấp các thông tin: Họ và tên cá nhân, số định danh, nơi ở hiện tại (trường hợp	- Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (mã TTHC: 1.000756). - Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (trong các trường hợp: hết	- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC liên quan đến quản lý dân cư thuộc

		khác nơi đăng ký thường trú) và các thông tin cần thiết khác, không yêu cầu các thông tin khác thuộc 15 trường thông tin có thể khai thác được trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. - Sửa đổi khoản 1 Điều 15, khoản 1; khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 16.	hạn, bị thu hồi, sửa đổi bổ sung và bị mất, hư hỏng không sử dụng được) (mã TTHC: 1.002031). - Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (mã TTHC: 1.003360).	phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Quyết định số 1844/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2	Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.	Sửa đổi Mẫu Lý lịch tóm tắt tại Phụ lục 6 theo hướng chỉ yêu cầu cung cấp các thông tin: Họ và tên cá nhân, số định danh, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) và các thông tin cần thiết khác, không yêu cầu các thông tin khác thuộc 15 trường thông tin có thể khai thác được trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng (mã TTHC: 2.000290).	Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.